

Bản án số: 151/2023/HSPT

Ngày: 27/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Công Mươi

Ông Chung Văn Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở - Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 837/2022/TLPT-HS ngày 03 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ và Hứa Tấn P, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh Đ và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 77/2023/QĐPT-HS ngày 16 tháng 02 năm 2023.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Nguyễn Minh Đ (Tên gọi khác: Đạt Lùn, Đạt Ma), sinh năm 1977 tại Long An. Nơi ĐKKHKT: Số 26A, ấp 5A, xã L, huyện B, tỉnh Long An; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1951 và bà Bùi Thị R, sinh năm 1956; vợ Nguyễn Thị Kim P (đã ly hôn), chưa có con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26-6-2013 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Hứa Tấn P (Tên gọi khác: Tám), sinh năm 1978 tại Long An. Nơi ĐKKHKT: Ấp 1B, xã Hựu Thạnh, Đức Hòa, Long An; trình độ học vấn: 5/12. nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Văn R, sinh năm 1944 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1945; vợ Nguyễn Thị Ngọc G (Ly hôn năm 2005); con một người, sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13-8-2011. Đã thi hành xong hình phạt, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh Đ: Luật sư Đỗ Hải Bình – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Hứa Tấn P: Luật sư Lê Minh Tuấn thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác, nhưng do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27-12-2006, Ủy ban nhân dân (Viết tắt UBND) tỉnh Long An ban hành Quyết định số 3205/QĐ-UBND phê duyệt phương án tái định cư đối với dự án Công ty Cổ phần đầu tư T (gọi tắt là Công ty T) trên địa bàn thuộc các xã Đức Hòa Hạ và xã Hựu Thạnh, huyện Đ, tỉnh Long An. Trong nội dung quyết định có nêu: Các hộ dân khi bị giải tỏa, thu hồi đất sẽ được nhận 01 lô đất nền tái định cư và được mua các lô đất khác trong dự án khu dân cư Tân Đức với giá ưu đãi.

Nguyễn Minh Đ là nhân viên làm việc tại Phòng kinh doanh của Công ty T. Khi làm việc tại đây từ năm 2007 đến năm 2009, Đạt biết được thủ tục mua bán đất được bồi thường của các hộ dân là chỉ cần mua lại những bộ hồ sơ bồi thường, hỗ trợ để được nhượng lại quyền mua lô nền tái định cư và lô nền giá ưu đãi, nên Đạt đã mua nhiều bộ hồ sơ để bán lại và hưởng chênh lệch giá. Quá trình môi giới mua bán chuyển nhượng đất, Đạt đã bàn bạc và chỉ đạo Hứa Tấn P dùng thủ đoạn gian dối trong thủ tục nhận đặt cọc và ủy quyền công chứng, để bà Nguyễn Tuyết A, bà Hà Thị C bán lại quyền mua các lô đất tái định cư và các lô đất giá ưu đãi cho vợ chồng ông Lâm Tấn L, bà Lương Thục M; bà Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thu A, sau đó chiếm đoạt của họ tổng số tiền là 1.345.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Căn cứ Quyết định 3205 ngày 27-12-2006 của UBND tỉnh Long An nêu trên. Ngày 11 và 16-10-2007, UBND huyện Đ, tỉnh Long An ban hành các Quyết định số 7136/QĐ-UBND và Quyết định số 7236/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 6.626m² của bà Nguyễn Tuyết A tại xã H, để giao cho Công ty T thực hiện dự án tái định cư. Quá trình triển khai thực hiện, UBND huyện Đ giao cho Trung tâm Tư vấn Dịch vụ nhà đất tỉnh Long An ban hành Bản chiết tính bồi thường mã số 411 và sao in thành 04 bộ hồ sơ (bản chính) gồm các quyết định thu hồi, bồi thường và bản chiết tính, rồi giao cho hộ bà Tuyết A 01 bộ hồ sơ; Công ty T 01 bộ hồ sơ và giữ lại tại Trung tâm 02 bộ hồ sơ.

Sau khi nhận bồi thường được số tiền 551.901.626 đồng cùng 01 nền đất tái định cư và được mua 05 nền đất với giá ưu đãi. Sau đó, bà Tuyết A đã chuyển nhượng toàn bộ quyền mua 06 nền đất trên cho ông Trần Gia H với giá 60.000.000

đồng. Hai bên thỏa thuận, khi Công ty T bàn giao nền đất cho bà Tuyết A thì ông Hương được nhận toàn bộ. Đến tháng 12-2007, ông Hương đã chuyển nhượng lại quyền mua 06 nền đất trên cho ông Võ Văn T với giá 650.000.000 đồng. Ngày 21-12-2007, tại Phòng công chứng số 4 tỉnh Long An tại huyện Đ, bà Tuyết A lập Giấy ủy quyền cho ông Thiết được quyền thay mặt bà Tuyết A thực hiện tất cả các quyền của người sử dụng đối với 06 nền đất trên theo quy định và sau khi ký ủy quyền, ông Hương cho bà Anh 100.000.000 đồng, bà Anh đã giao cho ông Thiết giữ bộ hồ sơ đất. Đến ngày 23-01-2008, ông Thiết đã chuyển nhượng lại quyền mua 06 nền đất trên cho ông Lâm Gia D với giá 1.260.000.000 đồng. Sau đó, cũng tại Phòng Công chứng số 4 tại huyện Đ, bà Tuyết A đã ký hủy bỏ việc ủy quyền với ông Thiết, để ký ủy quyền cho ông Dũng với nội dung chuyển nhượng quyền mua 01 nền đất tái định cư và 05 nền đất giá ưu đãi. Sau khi ký giấy ủy quyền, ông Thiết đã giao bộ hồ sơ đất cho ông Dũng.

Khoảng thời gian đầu tháng 9-2009, ông Lâm Tấn L đã đến gặp và nhờ Nguyễn Minh Đ tìm mua tiêu chuẩn đất trong diện được bồi thường, tái định cư giúp ông Lâm Tấn L. Đạt đồng ý và bảo Hứa Tấn P đi tìm người có tiêu chuẩn đất được bồi thường để giới thiệu bán cho ông Lâm Tấn L. Qua tìm hiểu, Phát biết bà Tuyết A có đất bị thu hồi nên đã gọi điện báo cho Đạt biết và rủ Hồ Đăng Hùng cùng đến nhà bà Tuyết A hỏi mua. Khi gặp bà Tuyết A hỏi mua đất, thì bà Tuyết A nói cho Phát biết là đất đã bán cho người khác, bà Tuyết A đưa cho Phát xem bộ hồ sơ chỉ còn bản photo, nên Phát và Hùng đã quay về báo cho Đạt biết. Nhưng để lừa ông Lâm Tấn L nhằm chiếm đoạt tài sản, Đạt đã bảo Phát cứ mua lại bộ hồ sơ photo, khi viết giấy đặt cọc thì viết “Có nền thì nhận, không có thì thôi, bên bán không phải trả lại tiền đặt cọc”. Sau đó, Đạt đưa tiền cho Phát đi đặt cọc. Phát và Hùng quay lại gặp bà Tuyết A tiếp tục hỏi mua đất, bà Tuyết A nói đất đã bán rồi, thì Phát nói “Tôi làm sao tôi làm, miễn sao tôi cho bà tiền xài, cứ bán đi nếu có nền thì nhận, không nền thì thôi”, rồi Phát bảo Hùng viết 02 “Giấy đặt cọc” có nội dung Phát là người đứng tên mua và đặt cọc số tiền 20.000.000 đồng, nếu có nền thì Phát sẽ mua, không có nền thì thôi, bà Tuyết A không phải hoàn lại tiền cọc, sau đó Phát ký tên người mua, Hùng ký tên người làm chứng. Nghe Phát nói vậy, bà Tuyết A đã nhận số tiền đặt cọc trên và ký tên bên người bán. Phát giao cho bà Tuyết A giữ 01 bản, Hùng giữ 01 bản và cầm bộ hồ sơ bản photo về đưa cho Đạt.

Sau khi có được bộ hồ sơ copy bồi thường đất của bà Tuyết A, Đạt đưa cho ông Lâm Tấn L xem và thỏa thuận giá mua bán nền đất tái định cư là 185.000.000 đồng/01 nền, còn nền đất giá ưu đãi là 145.000.000đồng/01 nền, tổng cộng 06 nền giá 910.000.000 đồng. ông Lâm Tấn L đồng ý và yêu cầu Đạt làm 02 bộ hồ sơ gồm: ông Lâm Tấn L đứng tên 03 nền đất, bà Lương Thục M là vợ của ông Lâm Tấn L đứng tên 03 nền đất. Hai bên thỏa thuận ngày 14-9-2009 đến Phòng Công chứng số 04 tại huyện Đ làm thủ tục mua bán. Để ông Lâm Tấn L và bà Mỹ tin tưởng việc mua bán là có thật, Đạt lập 01 bộ hồ sơ mua bán bằng thủ đoạn: lấy 2 mẫu hợp đồng, 2 mẫu giấy biên nhận tiền, tự điền các thông tin có nội dung nêu: bà Tuyết A đã chuyển nhượng quyền mua nền đất cho ông Lâm Tấn L, bà Mỹ và bà Tuyết A đã nhận đủ 910.000.000 đồng của ông Lâm Tấn L, bà Mỹ vào hợp đồng và giấy biên nhận, kèm theo bản chính các quyết định thu hồi, bồi thường của bà

Tuyết A. Sau đó, Đạt bảo Phát hẹn bà Tuyết A đến Phòng công chứng số 4 để làm thủ tục mua bán.

Khoảng 08h ngày 14-9-2009, Phát, Hùng đi đến Phòng Công chứng số 4 huyện Đ thì gặp Đạt tại quán nước đối diện. Tiếp đó, bà Tuyết A được con gái là Nguyễn Tuyết Phượng Gái đi xe máy chở đến gặp Đạt, Phát, Hùng. Tại quán nước, Đạt bảo bà Tuyết A đưa Chứng minh thư nhân dân, Sổ hộ khẩu và ký vào hợp đồng chuyển nhượng và giấy nhận tiền do Đạt soạn sẵn trên, rồi Đạt ký vào phần người làm chứng và cùng bà Tuyết A đi sang Phòng Công chứng. Khi vào Phòng Công chứng, Đạt đã làm thủ tục nộp bộ hồ sơ và yêu cầu lập Giấy ủy quyền từ bà Nguyễn Tuyết A cho ông Lâm Tấn L và bà Lương Thục M đối với 06 nền đất. Công chứng viên Nguyễn Đình Ninh tiếp nhận hồ sơ để làm thủ tục Công chứng. Do không kiểm tra hệ thống trên máy tính và sổ sách, mà chỉ kiểm tra hồ sơ thấy có các quyết định thu hồi, bồi thường là bản chính nên đã làm Phiếu yêu cầu công chứng và 02 Giấy ủy quyền số 836, 837, đưa bà Tuyết A ký, còn Ninh ký công chứng. Sau đó, Ninh yêu cầu bổ sung Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Tuyết A, thì Đạt lấy Chứng minh thư nhân dân, Sổ hộ khẩu của bà Tuyết A và 200.000 đồng đưa cho Phát để bảo Hùng đi làm. Đồng thời, Đạt đưa cho bà Tuyết A 15.000.000 đồng. Do tưởng đi ký công chứng ủy quyền như những lần trước và được chủ đất cho tiền, nên bà Tuyết A nhận tiền của Đạt rồi đưa cho Phượng Gái cất vào cốp xe máy. Còn Hùng đến UBND xã Hựu Thạnh xin được xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Tuyết A rồi đưa cho Phát để đưa lại cho Đạt. Lúc này, ông Lâm Tấn L cũng vừa đến, Đạt đưa cho ông Lâm Tấn L xem toàn bộ hồ sơ bản chính gồm: Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, Bảng chiết tính liên quan việc bồi thường đất của bà Tuyết A, 02 Giấy ủy quyền, 01 Giấy xác nhận độc thân, 02 Hợp đồng chuyển nhượng và 02 Giấy nhận tiền bà Tuyết A đã ký, rồi Đạt chỉ bà Tuyết A là chủ đất và bảo ông Lâm Tấn L đi đóng tiền lệ phí công chứng. Thấy bà Tuyết A đúng với người trong giấy Chứng minh thư nhân dân, nên ông Lâm Tấn L đóng lệ phí công chứng và hẹn Đạt buổi chiều lên nhà xưởng tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận tiền.

Khoảng 15h cùng ngày, Đạt thuê xe ô tô của ông Phan Văn Em đi lên nhà xưởng nhà ông Lâm Tấn L, tại: Số 259/5A1, đường Khuông Việt, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh để nhận tiền. Cùng đi với Đạt còn có Phát, Hùng và Nguyễn Thị Kim Phượng (bạn gái Đạt). Trên đường đi, Đạt nói với Phát: Do Đạt là nhân viên Công ty T không được mua bán nền đất, nên bảo Phát nhận tiền giúp Đạt, thì Phát đồng ý. Khi đến nơi, Đạt đưa toàn bộ hồ sơ mua bán đã được công chứng cho vợ chồng ông Lâm Tấn L, bà Mỹ và giới thiệu Phát là cháu bà Tuyết A, do bà Tuyết A bị bệnh nên Phát đi nhận tiền thay, Phát nghe rõ Đạt nói nhưng không nói gì. ông Lâm Tấn L, bà Mỹ kiểm tra hồ sơ thấy đầy đủ thủ tục, giấy nhận tiền có chữ ký của bà Anh và Đạt là người làm chứng, nên tin tưởng giao 910.000.000 đồng cho Đạt và Phát. Sau khi nhận tiền, Phát viết giấy biên nhận nội dung “Tôi Hứa Tấn P có nhận 910.000.000 đồng về việc bán 06 nền đất gồm: 01 nền tái định cư và 05 nền ưu đãi trong khu công nghiệp Tân Đức giai đoạn 2 (Nguyễn Tuyết A)”, Phát ký tên người nhận tiền, Đạt ký tên người làm chứng. Sau đó, Đạt cầm túi nilon đựng tiền và cùng với Phát ra xe đi về huyện Đ, tỉnh Long An

(theo lời khai của Hứa Tấn P, khi Phát và Hùng xuống xe, Đạt đã đưa cho Phát 5.000.000 đồng, sau đó Phát cho Hùng 1.500.000 đồng). Ngày 15-10-2009, bà Tuyết A và ông Dũng đến Công ty T bốc thăm nền và đã đóng 30% số tiền của 06 nền đất, thì phát hiện bị Đạt, Phát lừa ký ủy quyền và chuyển nhượng nền đất cho ông Lâm Tấn L, bà Mỹ. Ngày 04-11-2009, bà Tuyết A đến UBND xã Hựu Thạnh lập thông báo hủy bỏ việc ủy quyền đối với ông Lâm Tấn L, bà Mỹ. Tổng số tiền Nguyễn Minh Đ, Hứa Tấn P đã chiếm đoạt của vợ chồng ông Lâm Tấn L và bà Lương Thục M là 910.000.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Với cách thức thủ đoạn tương tự như trên. Ngày 12-11-2007, UBND huyện Đ, tỉnh Long An ban hành các Quyết định số 7890/QĐ-UBND và Quyết định số 7908/QĐ-UBND về việc thu hồi 7.838m² đất đối với hộ bà Hà Thị C tại xã Hựu Thạnh, để giao cho Công ty T thực hiện dự án tái định cư. Tiếp đó, UBND huyện Đ giao cho Trung tâm Tư vấn dịch vụ Nhà đất tỉnh Long An ban hành Bản chiết tính bồi thường mã số 361 và lập thành 04 bộ hồ sơ (bản chính) gồm các quyết định thu hồi, bồi thường và bản chiết tính, rồi giao cho hộ bà Hà Thị C 01 bộ hồ sơ; Công ty T 01 bộ hồ sơ và giữ lại tại Trung tâm 02 bộ hồ sơ. bà Hà Thị C được bồi thường số tiền 411.522.250 đồng, 01 nền đất tái định cư, được mua 03 nền đất giá ưu đãi tại dự án tái định cư Tân Đức.

Ngày 17-12-2007, bà Hà Thị C chuyển nhượng 04 nền đất trên và ký Giấy ủy quyền tại Phòng công chứng số 4 huyện Đ để bán cho ông Phạm Văn Đông với giá 120.000.000 đồng/01 nền. Khi làm thủ tục, bà Hà Thị C đã giao bộ hồ sơ cho ông Đông, trong đó có bản chính các quyết định trên. Đầu tháng 4-2008, ông Đông đã chuyển nhượng lại quyền mua 04 nền đất trên cho ông Trang Thừa Trung, bà Võ Thị Cẩm L, ông Nguyễn M và bà Lê Thị Mỹ L, với giá 186.000.000 đồng/01 nền. Để làm thủ tục chuyển nhượng, ông Đông đã nhờ và được bà Hà Thị C đồng ý. Ngày 19-4-2008, tại Phòng Công chứng số 4 bà Hà Thị C đã làm thủ tục ký hủy ủy quyền với ông Đông và ký ủy quyền cho các ông, bà có tên trên quyền mua 04 nền đất của bà Hà Thị C (Ông Mạnh là người nhận bộ hồ sơ quyền được mua 04 đất nền trên). Đến tháng 10-2009, ông Mạnh, ông Trung, bà Cẩm Linh, bà Mỹ Linh đã bốc thăm nhận 4 đất nền tại Công ty T.

Khoảng thời gian từ năm 2008 - 2009, vợ chồng ông Ôn Chí Huy, bà Huỳnh Ngọc Tiên đã thông qua Đạt mua được khoảng 25 nền đất tại khu dân cư Tân Đức. Đến tháng 10-2009, bà Tiên tiếp tục nhờ Đạt tìm mua thêm 02 nền đất. Thời gian này, bà Nguyễn Thị Thu A biết Đạt làm ở Công ty T nên cũng nhờ Đạt tìm mua hộ 01 nền đất. Đạt bảo Phát tìm người có đất bị thu hồi để mua lại. Phát và Hồ Đăng Hùng đã đến nhà, gặp hỏi mua lại quyền mua đất nền của bà Hà Thị C. Khi gặp ông Phan Văn Cung là con của bà Hà Thị C để hỏi mua, thì Cung nói cho Phát và Hùng biết là đất đã bán và đưa bộ hồ sơ bản photo gồm các quyết định thu hồi, quyết định bồi thường, bản chiết tính cho Phát xem. Phát gọi điện cho Đạt và nói rõ đất nền bà Hà Thị C đã bán, chỉ còn bộ hồ sơ bản photo thì Đạt nói mang về cho Đạt xem. Sau khi kiểm tra các thông tin tại Công ty T, Đạt bảo Phát đến mua bộ hồ sơ copy trên và đưa cho Phát 20.000.000 đồng để đặt cọc. Sau đó, Phát và Hùng đến nhà bà Hà Thị C. Tại đây, Phát đã đưa tiền cho Cung và bảo Hùng viết giấy đặt cọc theo

yêu cầu của Đạt với nội dung sau khi đặt cọc có nền thì nhận, không có nền thì hủy bỏ tiền cọc, người bán không phải trả lại tiền, mục đích để bà Hà Thị C đồng ý bán bộ hồ sơ photo, rồi Phát ký tên người giao tiền, Cung ký tên nhân chứng. Do nghĩ là các chủ đất tiếp tục mua bán và không biết mục đích của Phát, Đạt nên bà Hà Thị C ký tên người nhận tiền, sau đó Phát mang bộ hồ sơ bản photo về đưa cho Đạt.

Sau khi có hồ sơ photo bồi thường của hộ bà Hà Thị C, Đạt thông báo cho bà Tiên và bà Nguyễn Thị Thu A giá 145.000.000 đồng/01 nền đất, thì bà Tiên đồng ý mua 02 nền nhưng để ông Ôn Chí Huy đứng tên; bà Nguyễn Thị Thu A đồng ý mua 01 nền nhưng để Nguyễn Thị Thu H, là cháu ruột đứng tên và giao cho Đạt làm các thủ tục chuyển nhượng. Đạt hẹn bà Tiên và bà Nguyễn Thị Thu A đến ngày 23-10-2009 ra công chứng, đồng thời bảo Phát hẹn bà Hà Thị C đến Phòng Công chứng số 4 để làm thủ tục, nhưng do Cung bảo bà Hà Thị C bị bệnh nên Đạt hẹn đến nhà bà Hà Thị C ký công chứng.

Khoảng 11h ngày 23-10-2009, Đạt đến Phòng Công chứng số 4 nộp bộ hồ sơ, trong đó có các quyết định thu hồi, bồi thường là bản chính và biên bản cam kết chuyển nhượng, giấy nhận tiền do Đạt soạn sẵn, để yêu cầu công chứng ngoài trụ sở. Công chứng viên Lê Ngọc Minh kiểm tra phần mềm máy vi tính không thấy thể hiện việc bà Hà Thị C đã ủy quyền cho ông Trang Thừa T, bà Võ Thị Cẩm L, ông Nguyễn M, bà Lê Thị Mỹ L, nhưng không kiểm tra sổ sách, sau đó đưa cho chuyên viên soạn thảo 02 hợp đồng ủy quyền (01 bộ ủy quyền cho ông Ôn Chí Huy và 01 bộ ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu H). Do Đạt nói bà Hà Thị C bị bệnh, nên ông Minh viết phiếu yêu cầu công chứng văn bản, hợp đồng ngoài trụ sở trình ông Nguyễn Đình N (Trưởng phòng) ký phân công ông Minh đi lấy chữ ký của bà Hà Thị C tại nơi ở. Khoảng 12h cùng ngày, Đạt dẫn ông Minh đến nhà bà Hà Thị C, còn Phát và Hùng tự đi xe máy đến. Khi ông Minh đọc nội dung hợp đồng ủy quyền, bà Hà Thị C nghĩ là ký ủy quyền cho chủ đất tiếp tục mua bán nên đã ký tên, lăn tay vào phần người ủy quyền, ông Minh đưa cho Đạt tự đi lấy chữ ký của người được ủy quyền là ông Huy, bà Hà. Sau đó, Đạt đưa cho bà Hà Thị C ký tên, lăn tay vào biên bản cam kết chuyển nhượng, giấy nhận tiền giữa bà Hà Thị C và ông Huy và hẹn bà Hà Thị C đầu giờ chiều đến Nhà hàng Tân Đức để tiếp tục ký hồ sơ với bà Hà. Đến khoảng 13h30' cùng ngày, ông Phan Văn Chiến (là cháu ruột bà Hà Thị C) đưa bà Hà Thị C đến nhà hàng Tân Đức, Đạt dẫn bà Hà Thị C vào phòng VIP ở tầng 1 để gặp bà Nguyễn Thị Thu A và bà Hà, Đạt giới thiệu bà Hà Thị C là chủ đất, đồng thời đưa cho bà Hà bộ hồ sơ cùng bản photo Chứng minh thư nhân dân và Sổ hộ khẩu của bà Hà Thị C. Bà Hà kiểm tra hồ sơ và hỏi “Bà có phải bà Hà Thị C không” thì bà Hà Thị C nói “Phải”. Do tin tưởng Đạt, nên bà Hà và bà Hà Thị C ký tên, lăn tay vào hợp đồng ủy quyền, giấy nhận tiền và văn bản thỏa thuận do Đạt soạn sẵn, còn Đạt ký tên phần người chứng kiến. Sau đó, bà Nguyễn Thị Thu A đưa cho Hà 125.000.000 đồng để đưa cho Đạt, số tiền còn lại là 20.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Thu A hẹn trả sau thì Đạt đồng ý.

Sau khi nhận tiền của bà Nguyễn Thị Thu A, Đạt gọi điện cho Phát rủ lên nhà ông Huy nhận tiền, Đạt thuê xe ô tô của ông Phan Văn E chở đến nhà ông Huy tại số 1132/11, Tỉnh lộ 10, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

Trên đường đi, Đạt đưa Phát giữ bộ hồ sơ để bên trong bì nhựa và dặn khi nào Đạt bảo thì đưa. Khoảng 17h cùng ngày, khi đến nhà gặp bà Tiên và ông Huy, Đạt giới thiệu Phát là con của bà Hà Thị C, do bà Hà Thị C bị bệnh không đi được nên Phát đi nhận tiền thay, đồng thời bảo Phát đưa hồ sơ cho bà Tiên xem, Phát không nói gì và đưa hồ sơ. Bà Tiên xem hồ sơ thấy có các quyết định thu hồi, bồi thường là bản chính, 02 biên bản cam kết, 01 giấy nhận tiền, 03 bản hợp đồng ủy quyền đã có chữ ký, lấn tay của bà Hà Thị C (riêng hợp đồng ủy quyền đã có chữ ký của Công chứng viên nhưng chưa có dấu đỏ và đã bị sửa từ số 02 thành 03 nền đất). Do tin tưởng Đạt, nên ông Huy ký tên vào hợp đồng ủy quyền, biên bản cam kết và giấy nhận tiền, Phát ký người nhận tiền, Đạt ký người làm chứng, sau đó bà Tiên giao cho Phát số tiền 290.000.000 đồng rồi giao lại bộ hồ sơ cho Đạt đi công chứng. Sau khi ra khỏi nhà bà Tiên, Phát đã đưa lại số tiền trên cho Đạt, thì được Đạt cho 1.000.000 đồng. Sau đó, Đạt đến Phòng Công chứng số 4 nộp hồ sơ công chứng và đến ngày trả kết quả công chứng, Đạt trực tiếp đến lấy và tự ký nhận tên của bà Hà Thị C trên sổ nhận kết quả công chứng. Khoảng 04 ngày sau, Đạt đưa bộ hồ sơ đã công chứng cho bà Tiên và bà Nguyễn Thị Thu A thì bà Nguyễn Thị Thu A đã trả cho Đạt số tiền 20.000.000 đồng còn lại. Đến ngày bóc thăm nền đất, thì bà Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thu A mới phát hiện bị Nguyễn Minh Đ, Hứa Tấn P lừa đảo để chiếm đoạt tổng số tiền là 435.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 322/KL-PC54 ngày 24-9-2010 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An đối với chữ ký, chữ viết trên tờ giấy biên nhận có nội dung Hứa Tấn P nhận 910.000.000 đồng, kết luận: Đoạn chữ viết tay và chữ ký ghi tên người nhận tiền “Hứa Tấn P” là do Hứa Tấn P ký và viết ra; Chữ ký ghi tên nhân chứng “Nguyễn Minh Đ” là do Nguyễn Minh Đ ký và viết ra.

Tại Kết luận giám định số 193/2017/KLGĐ ngày 14-4-2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, đối với “Giấy nhận tiền”, “Văn bản thỏa thuận” và “Hợp đồng ủy quyền” ngày 23-10-2009 giữa Hà Thị C và Nguyễn Thị Thu H, kết luận: Chữ viết trên phần nội dung, chữ ký ở mục nhân chứng, người chứng kiến là do Nguyễn Minh Đ viết và ký ra; Chữ viết “Chơi” và “Hà Thị C” là do Hà Thị C viết ra; Chữ viết “Chơi” và “Hà Thị C” ký ở mục bên nhận tiền không phải do Hà Thị C viết ra.

Tại Kết luận giám định số 198/2017/KLGĐ ngày 17-4-2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, đối với “Biên bản cam kết” và “Giấy nhận tiền” ngày 23-10-2009 giữa Hà Thị C và Ôn Chí Huy, kết luận: Chữ viết trong toàn bộ nội dung biên bản cam kết, giấy nhận tiền bằng bút bic màu xanh và chữ ký, chữ viết “Ng Minh Đạt” tại mục nhân chứng, là do Nguyễn Minh Đ viết và ký ra.

Tại Kết luận giám định số 246/C09B ngày 31-12-2021 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ Công an, tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với “Sổ tiếp nhận và trả kết quả hợp đồng, giao dịch” của Phòng công chứng số 4 huyện Đ kết luận: Chữ ký dạng chữ viết “Chơi” và chữ viết họ tên “Hà Thị C” tại mục số thứ tự 153, dưới nội dung “ngày trả KQ”, là do Nguyễn Minh Đ viết (ký) ra.

Tại các Kết luận giám định số 475/KL-PC54 ngày 13-12-2010; số 312/KL-PC54 ngày 21-8-2015; số 153/C09B ngày 24-12-2021 của Phòng Kỹ thuật

hình sự Công an tỉnh Long An và Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an, tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Quyết định số 7136, 7236 ngày 11-10-2007; Quyết định số 7890, 7908 ngày 12-11-2007 của UBND huyện Đ, là được photo từ bản chính rồi đóng dấu, do cùng một người ký và cùng một con dấu đóng ra.

Tại Kết luận giám định số 153/C09B ngày 24-12-2021 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an, tại thành phố Hồ Chí Minh, đối với 01 Giấy cam kết đề ngày 11-9-2009 (do Nguyễn Minh Đ giao nộp) đã kết luận: Phần nội dung chữ in “Người chứng kiến: các bên thỏa thuận và có ký tên trước sự chứng kiến của tôi” và phần chữ ký, chữ viết họ tên Kim Phụng, Hứa Tấn P, Nguyễn Minh Đ, được in, ký và viết trước so với các nội dung còn lại.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Minh Đ không nhận tội và khai Đạt chỉ là người môi giới. Khi cùng với Phát giúp người mua và bán làm thủ tục thì Phát không nói cho Đạt biết là đất bà Tuyết A và bà Hà Thị C đã bán cho người khác. Đạt không biết bà Tuyết A, bà Hà Thị C là ai, không đưa tiền cho Phát đi đặt cọc, Đạt chỉ được Phát rủ đi nhận tiền của các bị hại và được Phát cho 6.000.000 đồng để chi tiêu... Nhưng căn cứ lời khai các bị hại, người làm chứng, người liên quan, phù hợp với kết luận giám định và các chứng cứ khác đã thu thập hiện có trong hồ sơ vụ án cho thấy lời chối tội của Nguyễn Minh Đ là quanh co nhằm trốn tránh pháp luật.

Vật chứng của vụ án gồm:

- Các giấy tờ, tài liệu thu giữ tại nhà Nguyễn Minh Đ ngày 26-6-2013 (trong đó có 01 tờ giấy ghi ngày 02-10-2009 Hùng nhận của ông Nguyễn Minh Tâm bố Nguyễn Minh Đ số tiền 50.000.000 đồng để đặt cọc mua đất nền, có chữ ký của Hồ Đăng Hùng); các quyết định thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ do bị thiệt hại, bảng chiết tính, hợp đồng ủy quyền, giấy nhận tiền, văn bản cam kết... liên quan đến việc Nguyễn Minh Đ, Hứa Tấn P mua bán đất nền của bà Nguyễn Tuyết A và Hà Thị C, đã được thu giữ và chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Đối với giấy đặt cọc Hồ Đăng H viết tại nhà bà Nguyễn Tuyết A và Hà Thị C, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không thu giữ được.

- Về nguồn gốc các Quyết định thu hồi, bồi thường số 7136, 7236 đối với hộ gia đình bà Nguyễn Tuyết A và Quyết định thu hồi, bồi thường số 7890, 7908 đối với hộ gia đình bà Hà Thị C: Theo UBND huyện Đ, tỉnh Long An và Trung tâm Tư vấn dịch vụ Nhà đất tỉnh Long An cung cấp: Sau phát hành, đối với mỗi quyết định UBND huyện Đ sẽ lưu giữ lại 01 bản, Trung tâm Tư vấn dịch vụ Nhà đất tỉnh Long An lưu giữ 02 bản; Công ty T lưu giữ 01 bản; các hộ bà Tuyết A, bà Hà Thị C, mỗi chủ hộ được nhận 01 bản. Kết quả điều tra có căn cứ chứng minh Nguyễn Minh Đ đã sử dụng đưa vào hồ sơ chuyển nhượng ủy quyền công chứng để lừa dối bà Hà Thị C, bà Tuyết A và các bị hại. Nhưng đến nay Đạt vẫn chối tội nên Cơ quan điều tra không làm rõ được nguồn gốc của của quyết định trên.

Vụ án đã được xét xử tại các bản án:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2012/HSST ngày 27-6-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đã xét xử: Tuyên bố: Bị cáo Hứa Tấn P phạm tội “Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b và p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hứa Tấn P 14 (Mười bốn) năm tù.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 34/2012/HSPT ngày 15-10-2012 của Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử: Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2012/HSST ngày 27-6-2012 của TAND tỉnh Long An, đã xét xử Hứa Tấn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An để điều tra vụ án theo thủ tục chung.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2014/HSST ngày 04-9-2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đã xét xử: Tuyên bố, các bị cáo Hứa Tấn P và Nguyễn Minh Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 139; Điều 20; Điều 46 và Điều 33 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hứa Tấn P 14 (Mười bốn) năm tù và Nguyễn Minh Đ 12 (Mười hai) năm tù (sửa chữa, bổ sung bản án xử phạt Nguyễn Minh Đ 13 (Mười ba) năm tù).

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 08/2015/HSPT ngày 13-01-2015 của Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hứa Tấn P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Phát.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh Đ. Hủy một phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An thụ lý, điều tra lại.

Tại Quyết định số 02/2021/HS-GĐT ngày 22-01-2021 của Tòa án nhân dân Tối cao, đã xét xử:

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm số 01/2020/KN-HS ngày 06-01-2020 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao.

- Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 08/2015/HSPT ngày 13-01-2015 của Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh) về phần trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự, án phí hình sự và án phí dân sự đối với Hứa Tấn P để điều tra lại. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Tối cao để điều tra lại theo thủ tục chung.

Tại Bản Cáo trạng số 2141/CT-VKSTC-V2 ngày 08-6-2022 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, đã truy tố các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Hứa Tấn P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã tuyên xử như sau:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Hứa Tấn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.1 Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm a và g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 26-6-2013.

1.2 Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm a và g khoản 1 Điều 52; các điểm b và s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hứa Tấn P 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 13-8-2011.

1.3 Căn cứ vào các quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đối với bị cáo Hứa Tấn P. Xét thấy, thời hạn phạt tù ngắn hơn thời gian bị cáo đã bị tạm giam, nên áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, trả tự do cho bị cáo Hứa Tấn P ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về tội khác.

1.4 Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Minh Đ 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phân phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn kháng cáo theo luật định.

- Ngày 03/10/2022 bị cáo Nguyễn Minh Đ kháng cáo kêu oan.

- Ngày 05/10/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị yêu cầu chia phần trách nhiệm dân sự của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Minh Đ rút kháng cáo kêu oan, thừa nhận hành vi phạm tội, đề nghị phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Minh Đ rút kháng cáo kêu oan, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã cùng gia đình khắc phục hậu quả bồi thường 200.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Minh Đ từ 06 tháng đến 01 năm tù. Riêng phần dân sự buộc hai bị cáo mỗi người chịu ½ số tiền bồi thường.

Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh Đ luật sư đưa ra các tình tiết giảm nhẹ, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả. Tòa sơ thẩm xác định số tiền chiếm đoạt để định khung nhưng lại cho rằng bị cáo phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng là không đúng.

Do không xác định số tiền của từng bị cáo chiếm đoạt, chưa điều tra cụ thể trong 1,3 tỷ đồng bị cáo Nguyễn Minh Đ chỉ chiếm ½ nhưng phạt bị cáo 17 năm tù là nặng cũng với số tiền chiếm đoạt trên. Nhưng bản án trước chỉ phạt bị cáo

Nguyễn Minh Đ 13 năm tù, giờ lại phạt 17 năm tù là bất lợi cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Minh Đ.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các Luật sư và của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Thời điểm năm 2007, bà Nguyễn Tuyết A và bà Hà Thị C có đất tại xã Hựu Thạnh, huyện Đ bị UBND huyện Đ thu hồi đất để giao cho Công ty T thực hiện dự án tái định cư. bà Tuyết A được nhận số tiền bồi thường là 551.901.626 đồng, 01 nền đất tái định cư và được quyền mua 05 nền đất với giá ưu đãi tại khu tái định cư Tân Đức; còn bà Hà Thị C được nhận số tiền bồi thường là 411.522.250 đồng, 01 nền đất tái định cư và được quyền mua 03 nền đất giá ưu đãi. Sau đó, cả bà Tuyết A và bà Hà Thị C đều chuyển nhượng lại hết các nền tái định cư và quyền mua các lô nền với giá ưu đãi cho người khác và những người này tiếp tục chuyển nhượng qua cho nhiều người khác. Mỗi lần chuyển nhượng qua người khác, bà Anh và bà Hà Thị C đều đến VPCC ký hủy bỏ hợp đồng ủy quyền cho chủ đất nhận chuyển nhượng trước, rồi mới ký ủy quyền cho người nhận chuyển nhượng sau, theo yêu cầu của người chuyển nhượng. Cứ mỗi lần thủ tục ký tên như vậy tại Phòng Công chứng, thì bà Anh, bà Hà Thị C được người chuyển nhượng đất tặng cho một số tiền nhất định.

Cũng trong khoảng thời gian này, bị cáo Nguyễn Minh Đ là nhân viên Phòng kinh doanh của Công ty T và nhiều lần làm môi giới cho nhiều người mua lại tiêu chuẩn đất trong trường hợp được bồi thường, tái định cư của nhiều hộ dân tại địa bàn xã Đức Hòa H và xã Hựu T, huyện Đ chuyển nhượng lại.

Cuối năm 2009, vợ chồng ông Lâm Tấn L, bà Lương Thục M; vợ chồng ông Ôn Chí H, bà Huỳnh Ngọc T và Nguyễn Thị Thu A nhờ Đạt tìm kiếm người bán nền đất như trên để mua giúp họ các quyền mua nền đất tái định cư do các người được bồi thường và được quyền mua giá ưu đãi bán lại. Đạt bảo Phát đi tìm người để liên hệ và môi giới bán lại cho họ. Sau đó, Phát cùng với Hồ Đăng H đi đến gặp bà Tuyết A, bà Hà Thị C để hỏi mua lại quyền mua đất nền tái định cư của bà Tuyết A và bà Hà Thị C. Khi Phát và Hùng tìm gặp bà Tuyết A và bà Hà Thị C, thì bà Anh và bà Hà Thị C đều báo cho Phát cùng với Hùng biết là đã chuyển nhượng trước đó cho người khác và đưa hồ sơ còn lại là bản phô tô copy cho Phát xem, Phát báo lại cho Đạt biết. Mặc dù, được bà Tuyết A và bà Hà Thị C thông báo đã chuyển nhượng lại hết nền tái định cư và quyền được mua nền đất tái định cư theo diện ưu đãi, nhưng để có điều kiện chiếm đoạt tiền của những người có nhu cầu mua đất nền như trên. Đạt đưa tiền cho Phát và bảo Phát vẫn đặt cọc để mua 06 nền đất của bà Tuyết A với số tiền 20.000.000 đồng và của bà Hà Thị C 03 nền đất cũng với số tiền 20.000.000 đồng và nói “Nếu sau này có nền đất thì bên mua nhận nền, không có nền thì thôi, bên bán không phải trả tiền lại”. Với mục đích tạo lòng tin để bà Tuyết A và bà Hà Thị C nhận tiền và ký tên vào giấy mua bán nền đất tái định cư do Hùng viết theo yêu cầu trước đó của Đạt, bên mua là Phát và giao cho Phát

hai bộ hồ sơ bản phô tô mang về cho Đạt. Có được bộ hồ sơ phô tô và giấy đặt cọc từ bà Tuyết A và bà Hà Thị C, Đạt thỏa thuận với các bị hại giá trị của từng lô nền đất và được các bị hại đồng ý nhận chuyển nhượng. Để các bị hại tin tưởng, Đạt tiếp tục lập và viết các thông tin không đúng sự thật vào 02 bộ hồ sơ với nội dung: bà Tuyết A ủy quyền công chứng cho vợ chồng ông Lâm Tấn L, bà Mỹ quyền mua 06 nền đất; bà Hà Thị C ủy quyền công chứng cho bà Tiên, bà Anh quyền mua 03 nền đất. Sau đó, Đạt cùng Phát tiếp tục lừa dối bà Anh, bà Hà Thị C ký ủy quyền công chứng do Công chứng viên thực hiện và trả thêm tiền cho bà Tuyết A là 15.000.000 đồng. Trên cơ sở của hợp đồng ủy quyền được công chứng từ bà Tuyết A, bà Hà Thị C, Phát giả là cháu của bà Tuyết A và bà Hà Thị C để cùng với Đạt đi đến nhà của vợ chồng ông Lâm Tấn L, bà Mỹ và nhà bà Tiên nhận tiền thỏa thuận chuyển. Số tiền còn lại các người bị hại trực tiếp đưa cho Đạt để chiếm đoạt. Tổng số tiền các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Phát chiếm đoạt của các người bị hại là 1.345.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Phát đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cấp sơ thẩm truy tố xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật và không oan cho các bị cáo.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Minh Đ thừa nhận hành vi phạm tội của mình (không kêu oan) và đã tác động gia đình nộp số tiền 200.000.000 đồng đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm p, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Qua vụ án này cho thấy vì nhiều lý do khác nhau qua nhiều cấp xét xử vụ án kéo dài gần 10 năm, bị cáo Nguyễn Minh Đ không được xét giảm án tha tù theo luật định. Với số tiền chiếm đoạt 1.345.000.000 đồng, bản án sơ thẩm số 45/2014/HSST ngày 04/9/2014 xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 13 năm tù. Cũng với số tiền trên bản án sơ thẩm số 48/2022/HSST ngày 22/9/2022 xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 17 năm tù là đánh giá không nhất quán về hành vi của bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Về phần trách nhiệm dân sự. Hồ sơ cho thấy và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phát thừa nhận có nhận tiền của bị hại sau đó về đưa cho bị cáo Nguyễn Minh Đ, bị cáo Nguyễn Minh Đ không thừa nhận lời khai của bị cáo Phát. Tuy nhiên số tiền thực tế hai bị cáo chiếm đoạt các bị hại số tiền là 1.345.000.000 đồng. Do đó buộc 2 bị cáo phải liên đới bồi thường cho các bị hại. Trong vụ án này không xác định được mức độ lỗi nên buộc 2 bị cáo phải bồi thường theo phần bằng nhau theo Điều 587 Bộ luật dân sự. Tòa sơ thẩm chỉ tuyên liên đới bồi thường mà không tuyên cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường bao nhiêu sẽ rất khó khăn cho việc thi hành án. Do đó chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về nội dung này.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do bị cáo Nguyễn Minh Đ được chấp nhận một phần kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015,

I/Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh Đ. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Tuyên xử:

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm p, s khoản 1 Điều 51; các điểm a và g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 14 (Mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 26-6-2013.

Tiếp tục tạm giam bị cáo đảm bảo thi hành án.

II/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Hứa Tấn P phải có trách nhiệm bồi thường cho các người bị hại như sau:

- Bồi thường cho vợ chồng ông Lâm Tấn L, bà Lương Thục M số tiền 910.000.000 đồng.

- Bồi thường cho vợ chồng ông Ôn Chí H, bà Huỳnh Ngọc T số tiền 290.000.000 đồng.

- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu A số tiền 145.000.000 đồng.

Phần cụ thể: bị cáo Nguyễn Minh Đ phải bồi thường 672.500.000 đồng, bị cáo Phát bồi thường 672.500.000 đồng. bị cáo Nguyễn Minh Đ đã nộp 200.000.000 đồng (theo phiếu thu 000237 ngày 20/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An). bị cáo Nguyễn Minh Đ còn phải nộp tiếp số tiền 472.500.000 đồng để thi hành án cho các bị hại.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 11.000.000 đồng do bị cáo Hứa Tấn P nộp theo Biên lai thu số 0000235 ngày 22-9-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh L để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

III/ Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Phát, mỗi bị cáo phải nộp 30.900.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Long An; (4)
- VKSND tỉnh Long An; (1)
- Công an tỉnh Long An; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Long An; (1)
- Cục THADS tỉnh Long An; (1)
- Trại giam Ca tỉnh Long An; (4)
- Lưu: VP, HS, THUY 20b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thành Văn